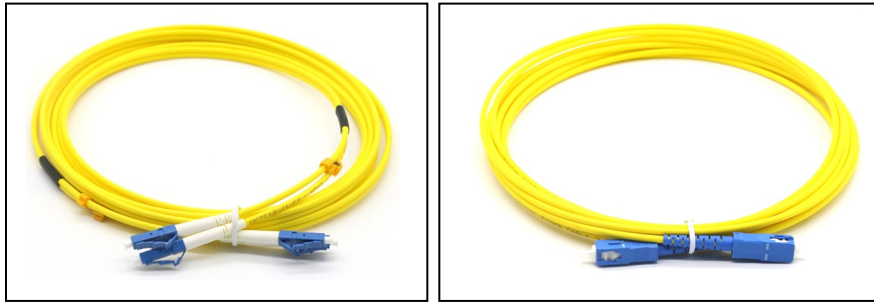
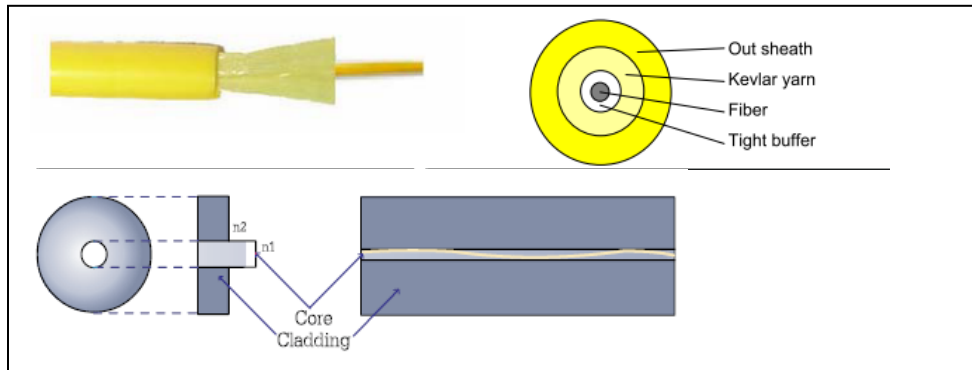


DÂY NHẢY QUANG SINGLE MODE



I Cấu trúc



II Thông số kỹ thuật

1	Đầu nối quang/ kiểu tiếp xúc
1.1	Đầu nối quang : SC, LC
1.2	Kiểu tiếp xúc : UPC, APC
1.3	An toàn trong quá trình truyền tải ở các giao thức tốc độ cao
1.4	Đáp ứng tiêu chuẩn TIA/EIA-604-4, TIA/EIA-604-3, TIA/EIA-604-10
1.5	Các liên kết có độ chính xác cao
1.6	Tính lặp lại tốt
1.7	Tính thay đổi cao
1.8	Làm việc ổn định trong môi trường khắc nghiệt;
1.9	Suy hao chèn: $Apc \leq 0,3 \text{ dB}$; $Upc \leq 0,2 \text{ dB}$

1.10	Suy hao phản hồi: $A_{pc} \geq 60\text{dB}$; $U_{pc} \geq 50\text{dB}$
1.11	Nhiệt độ làm việc: -40°C đến $+75^{\circ}\text{C}$
1.12	Nhiệt độ bảo quản: -40°C đến $+80^{\circ}\text{C}$
1.13	Độ bền tháo/lắp (Plug and unplug) ≥ 1000 lần
1.14	Độ bền kéo: $\geq 100\text{N}$
2	Dây nhảy quang đơn mode.
2.1	Sợi quang đơn mode
2.2	Đáp ứng tiêu chuẩn G.652D ($9/125\mu\text{m}$)
2.3	Sợi quang xuất xứ Corning
2.4	Đường kính dây $2\text{mm} \pm 5\%$;
2.5	Vỏ LSZH
2.6	Màu vỏ: Vàng;
2.7	Bước sóng hoạt động: 1310nm , 1550nm ;
2.8	Độ uốn cong: $R \leq 3\text{cm}$;
2.9	Lực căng lớn nhất: 90N/cm ;
2.10	Lực nghiền nát: 550N/cm ;
2.11	Nhiệt độ làm việc: -40°C đến $+75^{\circ}\text{C}$;
2.12	Nhiệt độ bảo quản: -40°C đến $+80^{\circ}\text{C}$;
2.13	Có thể thiết kế dây đơn hoặc dây đôi;